

Bản án số: 13/2020/HCST

Ngày: 30 - 9 - 2020

V/v: Kiện quyết định hành chính

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí

Ông Trần Ngọc Tình

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu - Thư ký TAND tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Hường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 23/2020/TLST-HC ngày 10 tháng 8 năm 2020 về việc “Kiện quyết định hành chính”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 310/2020/QĐXXST-HC ngày 07 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phan Xuân H, sinh năm 1970; Địa chỉ: Xóm n, thôn P, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Người được ủy quyền: Ông Vũ Xuân H; Địa chỉ: số m, đường T, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

2. Người bị kiện: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch tỉnh Q: Ông Phạm Quang A - Phó Giám đốc Sở T, tỉnh Q. Vắng mặt có đơn xin vắng mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân huyện Q, tỉnh Quảng Bình - Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân Đ - Chủ tịch UBND huyện Q

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Ngọc T - Phó chủ tịch UBND huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

- Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Quang T - Chủ tịch UBND xã Q. Có mặt.

- Ông Nguyễn Hữu Tr; Địa chỉ: Thôn T, phường Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

- Ông Phùng Minh L; Địa chỉ: Chi nhánh ngân hàng huyện T, tỉnh Quảng Bình, vắng mặt, uỷ quyền cho ông Nguyễn Hữu Tr tham giá tố tụng. Ông Tr có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, tại phiên đối thoại, người khởi kiện ông Phan Xuân H trình bày:

Thực hiện chủ trương của Hội đồng nhân dân xã Q, Ủy ban nhân dân xã Q đã ký “Hợp đồng kinh tế” về việc giao đất cho các hộ dân từ 50 đến 200 ha để trồng cây lâm nghiệp. Theo đó, ông Phan Xuân H đại diện cho 4 hộ gia đình được giao 200 ha đất cát tại khu vực hồ Bàu Sen xã Q, huyện Q. Sau khi nhận đất, gia đình ông H đã bỏ vốn, công sức để trồng rừng, xây nhà, đắp đường, kéo điện, làm chuồng trại đào ao thả cá theo thỏa thuận ghi trong hợp đồng đã ký kết xây dựng mô hình VACR (thời gian sử dụng đất là 50 năm)

Năm 2005, gia đình ông đã có thu nhập kinh tế từ trang trại nói trên. Năm 2006, vợ chồng ông H ly hôn, ông H được giao phần trang trại để tiếp tục sử dụng. Tuy nhiên sau đó do gia đình xảy ra biến cố (con chết) nên ông không còn chú tâm vào làm ăn. Ông Nguyễn Hữu Tr đã cho công nhân vào khai thác than bùn trái phép chiếm trang trại của ông H. Năm 2012, khi UBND tỉnh Quảng Bình phê duyệt địa điểm mới xây dựng huyện trên khu đất trang trại của ông H thì ông Nguyễn Hữu Tr tiếp tục phá dỡ ao hồ trang trại của ông H và làm ao mới. Ông H đã tố cáo ông Tr và huyện đã lập biên bản yêu cầu các đối tượng trên ngừng thi công. Giữa ông Tr và ông H xảy ra tranh chấp đất khu vực nói trên.

Ngày 22/12/2014, UBND huyện Q có kết luận thanh tra số 811/KL-CT ngày 22/12/2014 về việc sử dụng đất của các hộ dân đã kết luận ông H là người đang sử dụng đất trên thực tế và thuộc đối tượng được bồi thường đồng thời ra Quyết định số 1276/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 về việc thu hồi đất đối với ông Phan Xuân H. Ông Tr đã khiếu nại kết luận thanh tra số 811/KL-CT ngày 22/12/2014 và UBND huyện Q có Quyết định 950/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 giải quyết khiếu nại lần 1 không công nhận khiếu nại của ông Tr, kết luận ông H là người sử dụng đất. Ông Tr tiếp tục khiếu nại lần hai. Trong quá trình khiếu nại lần 2 ông Tr xuất trình hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông H và ông Tr ngày 15/5/2004 có xác nhận của UBND xã Q và giấy nhận tiền ngày 28/3/2003 và giấy chuyển nhượng đất giữa ông H và ông Tr, ông L ngày 23/7/20013. Từ đó Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 3453/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 công nhận nội dung khiếu nại của ông Tr và yêu cầu UBND huyện Q hủy bỏ Quyết định 950/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 (giải quyết khiếu nại lần 1) thu hồi Quyết định 1276/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 về việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai đối với ông H, chỉ đạo phòng Tài nguyên môi trường lập phương án thu hồi đất, giải phóng mặt bằng đối với diện tích ông Tr đang sử dụng. Sau đó ngày 25/01/2017, Chủ tịch UBND tỉnh ra Quyết định số 269/QĐ-UBND thay thế Quyết định 3453/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 có nội dung công nhận nội dung khiếu nại của ông Tr

về việc quy chủ sử dụng đất của ông H là chưa đúng, ông Tr là người đang sử dụng đất, yêu cầu UBND huyện Q sửa kết luận 811/KL-CT ngày 22/12/2014 cho phù hợp với Quyết định giải quyết khiếu nại; Hủy bỏ Quyết định 950/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 (giải quyết khiếu nại lần 1); Hủy bỏ Quyết định 1276/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 về việc thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai đối với ông H; Xác định diện tích thực tế ông Tr đang sử dụng ở phía Bắc hồ Bàu Sen để thực hiện chức năng quản lý nhà nước về đất đai đối với diện tích đất ông Tr đang sử dụng theo đúng quy định của pháp luật.

Quyết định giải quyết khiếu nại của ông Tr nhưng làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông H nên ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh Q. Ông H không nhận được quyết định giải quyết khiếu nại của UBND tỉnh Q.

Phía người bị kiện thông qua người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp trình bày:

Về yêu cầu hủy Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh Q là không có cơ sở giải quyết vì Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 01/12/2015 đã bị thay thế bởi quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017.

Về thời hiệu khởi kiện: Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 đã có hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 2 Điều 44 luật Khiếu nại. Việc ông H khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 đã hết thời hiệu khởi kiện quy định tại khoản 1 và điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính.

Về căn cứ ra quyết định giải quyết khiếu nại: Quyết định giải quyết khiếu nại đã không căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu mà ông Tr cung cấp như đơn khởi kiện nêu, trong đó nội dung giải quyết khiếu nại đã chỉ rõ các mâu thuẫn về thời gian việc ông H được UBND xã giao đất ngày 24/10/2003 nhưng ngày 28/3/2003 ông Tr đã trả tiền mua đất cho ông H (thể hiện ở văn bản nhận tiền do chuyển nhượng đất và tài sản trên đất giữa hai bên lập ngày 28/3/2003). Đối với giấy chuyển nhượng đất và tài sản trên đất lập ngày 12/5/2004 có chữ ký và dấu của UBND xã xác nhận đã được giám định là dấu và chữ ký được phun màu nên không công nhận tài liệu này là hợp pháp trong quá trình giải quyết. Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 đã xác định đối với hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, UBND huyện Q trong quá trình thanh tra, giải quyết khiếu nại lần 1 đã đánh giá tính pháp lý của hợp đồng là không đúng thẩm quyền. Vì vậy đơn khởi kiện cho rằng chủ tịch UBND tỉnh giải quyết khiếu nại dựa trên căn cứ do ông Tr cung cấp là không đúng với nội dung quyết định giải quyết khiếu nại đã thể hiện. Ông Tr và ông H đều không có bất cứ loại giấy tờ gì về đất theo luật đất đai qua các thời kỳ. Ông H thừa nhận chỉ sử dụng đất đến năm 2006. Ông Tr trên thực tế là người đang sử dụng đất, có tạo lập một số tài sản trên đất như ao hồ, cây lâm nghiệp, lán trại chăn nuôi nên công nhận ông Tr là người sử dụng đất. Đề nghị Tòa án xử bác yêu cầu khởi kiện.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan UBND xã Q trình bày:*

Việc tranh chấp đất giữa ông Tr và ông H xảy ra sau khi có dự án mở huyện lỵ nên thanh tra huyện tiến hành thanh tra việc sử dụng đất đai. Sau khi có

kết luận thanh tra thì UBND huyện ra Quyết định 1267/QĐ-UBND ngày 15/5/2015 thu hồi đất và bồi thường tài sản trên đất của ông H. Sau đó ông Tr khiếu nại đến huyện và tỉnh. Thực tế khu đất đang tranh chấp là đất hoang trước đây giao cho 4 hộ để trồng rừng nhưng chỉ có ông H sử dụng. Sau đó ông Tr có xuất trình hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản trên đất. Đối với yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

* Ủy ban nhân dân huyện Q: Theo nội dung thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập tham gia đối thoại của Tòa án, người đại diện theo ủy quyền không tham gia và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

* Ông Nguyễn Hữu Tr trình bày: Việc chuyển nhượng đất giữa ông Tr và ông H và nhận tiền có chữ ký của ông H đã được giám định và kết luận chữ ký của ông H là đúng. Ông không biết ông H có biết Quyết định 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 hay không. Sau khi có Quyết định 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017, UBND huyện có mời ông và ông H đến làm việc nhưng ông cho rằng sự việc không liên quan đến ông H nên ông có xé biên bản làm việc. Từ năm 2004 đến nay, giữa ông Tr và ông H không có tranh chấp gì tài sản trên đất. Ông Tr không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông H vì ông H không liên quan đến Quyết định 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017.

* Ông Phùng Minh L: Theo nội dung thông báo thụ lý vụ án và giấy triệu tập tham gia đối thoại của Tòa án ông L không tham gia và không có ý kiến trình bày gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa ông Phan Xuân H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Người bị kiện có đơn đề nghị xử vắng mặt. Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện có đơn đề nghị xử vắng mặt. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Hữu Tr cho rằng ông H không liên quan đến quyết định khởi kiện. UBND huyện Q có đơn xin vắng mặt; UBND xã Q trình bày trong Quyết định giải quyết khiếu nại số 269 không có nội dung nào công nhận những tài liệu ông Tr cung cấp để giải quyết khiếu nại.

* Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử bác yêu cầu của ông Phan Xuân H.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của các đương sự tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q là Quyết định hành chính thuộc đối tượng khởi kiện theo khoản 1 Điều 3 và khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng hành chính, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình theo khoản 3 Điều 32 Luật tố tụng hành chính.

Mặc dù Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Hữu Tr nhưng nội dung giải quyết có liên quan đến quyền, nghĩa vụ của ông Phan Xuân H nên ông H có quyền khởi kiện theo Điều 5 Luật tổ tụng hành chính.

Về việc xét xử vắng mặt: Người bị kiện có đơn đề nghị xử vắng mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xin xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo Điều 157, 158 Luật tổ tụng Hành chính.

Về thời hiệu khởi kiện: Theo ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện thì Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q ban hành đã 3 năm, có hiệu lực thi hành nên ông H khởi kiện thuộc trường hợp đã hết thời hiệu khởi kiện. Tuy nhiên, Điều 116 Luật tổ tụng hành chính quy định thời hiệu khởi kiện như sau:

“1. Thời hiệu khởi kiện là thời hạn mà cơ quan, tổ chức, cá nhân được quyền khởi kiện để yêu cầu cơ quan Tòa án giải quyết vụ án hành chính bảo vệ quyền và lợi ích H pháp bị xâm phạm; nếu thời hạn đó kết thúc thì mất quyền khởi kiện.

2. Thời hiệu khởi kiện đối với từng trường hợp được quy định như sau:

a. 01 năm kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định hành chính, hành vi hành chính.....”.

Ông H là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến việc giải quyết khiếu nại nhưng ông không nhận được Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Bình. Ông trình bày năm 2018 UBND huyện Q có gọi ông và ông Tr lên làm việc để thực hiện Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q nhưng ông không biết đó là nội dung gì. Ông gặp bộ phận tiếp dân của UBND tỉnh để xin Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q nhưng không được. Đến tháng 8/2019 ông nhờ Luật sư xin mới có bản pho tô Quyết định số 269 nói trên. Như vậy thời gian ông H biết nội dung của quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q là chưa đến 1 năm nên vẫn còn thời hiệu khởi kiện.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành Quyết định:

Trên cơ sở Kết luận thanh tra số 811/KL-CT ngày 22/12/2014 của UBND huyện Q ông Nguyễn Hữu Tr đã khiếu nại và UBND huyện Q đã ra Quyết định số 950/QĐ-UBND ngày 08/4/2015 (quyết định giải quyết khiếu nại lần 1). Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần 1 ông Nguyễn Hữu Tr tiếp tục khiếu nại lên Chủ tịch UBND tỉnh Q. Ngày 01/12/2015, Chủ tịch UBND tỉnh Q ra Quyết định số 3453/QĐ-UBND (Quyết định giải quyết khiếu nại lần 2), sau đó thay thế bởi quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017. Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 36 và Điều 38, Điều 40 Luật khiếu nại là đúng thẩm quyền và trình tự thủ tục.

[2.2]. Về căn cứ ban hành Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q, ông H cho rằng Chủ tịch UBND tỉnh đã dựa vào những chứng cứ giả mạo mà ông Tr cung cấp để giải quyết khiếu nại là không đúng pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Năm 2003, UBND xã Q lập “Hợp đồng kinh tế” với 04 hộ gia đình, cá nhân gồm ông Phan Xuân H, ông Phan Văn Th, Phan Xuân Th, Phan Văn M với nội dung xã hợp đồng cho 4 hộ mở rộng trang trại trồng cây phân tán để bảo vệ đất, diện tích mỗi hộ 50 ha, 04 hộ có 200 ha với thời hạn 50 năm tại khu vực hồ Bàu Sen, xã Q.

Ngày 24/10/2003, UBND xã Q đã tiến hành giao đất thực địa cho các hộ gia đình. Việc giao đất có biên bản, có chữ ký của đại diện các ban ngành xã Quảng Xuân và ông Phan Xuân H, các bên đã xác định địa giới khu vực theo các mốc Đông, Tây, Nam, Bắc với diện tích 200 ha (diện tích ước lượng, không chính xác). Trên thực tế ông H là người trực tiếp đầu tư sản xuất và sử dụng đất, các hồ sơ liên quan đến việc giao đất đều do một mình ông H ký. Việc UBND xã Q tiến hành ký “Hợp đồng kinh tế” giao đất cho ông Phan Xuân H là không phù H với quy định về thẩm quyền giao đất lâm nghiệp tại khoản 2 Điều 24 Luật đất đai 1993 *“Thẩm quyền giao đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp được quy định như sau: Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh giao đất cho các hộ gia đình và cá nhân”*.

Theo chứng cứ có tại hồ sơ vụ án thì từ năm 2003 đến năm 2004 ông H sử dụng đất, sản xuất trên đất xây nhà, kéo điện, làm chuồng chăn nuôi gia súc, đắp ao thả cá, trồng cây phân tán và thực hiện dự án trồng tre với Công ty Xuất nhập khẩu Q nhưng đến cuối năm 2006 sau khi vợ chồng ly hôn thì ông đã bỏ hoang đất không sử dụng (ông H đã thừa nhận tại biên bản đối thoại ngày 14/8/2015).

Sau khi ông Phan Xuân H không sử dụng đất thì ông Nguyễn Hữu Tr là người sử dụng diện tích đất nói trên. Và ngày 29/11/2013, UBND xã Q đã lập biên bản vi phạm hành chính đối với ông Nguyễn Hữu Tr về hành vi sử dụng đất không đúng mục đích đồng thời đình chỉ việc xây dựng khuôn viên, tường rào và trồng cây trên khu đất đã có quy hoạch. Như vậy, tại thời điểm thanh tra, ông Tr đang là người sử dụng đất nhưng kết luận 811 tham mưu cho UBND huyện thu hồi đất được giao trái thẩm quyền đối với ông H là không đúng đối tượng đang sử dụng đất; UBND huyện Q ra quyết định 1276 thu hồi đất do vi phạm pháp luật đất đai đối với ông Phan Xuân H là không đúng đối tượng thu hồi đất.

Theo ông Nguyễn Hữu Tr thì ông được ông Phan Xuân H chuyển nhượng đất từ tháng 5/2004, bằng chứng ông Nguyễn Hữu Tr cung cấp bản viết tay “giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản trên đất” được lập ngày 12/5/2004 có chữ ký của ông H và ông Tr, được Chủ tịch UBND xã Q ký và đóng dấu. Tuy nhiên H đồng chuyển nhượng đất giữa ông Tr và ông H là giao dịch dân sự nếu các bên có tranh chấp thì khởi kiện bằng vụ án dân sự khác về tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất để yêu cầu Tòa án giải quyết theo đúng quy định của pháp luật. Việc đánh giá tính hợp pháp của H đồng chuyển nhượng đất không thuộc thẩm quyền của UBND huyện Q

Trong quá trình giải quyết khiếu nại, ông Tr đã cung cấp hợp đồng chuyển nhượng đất và tài sản trên đất giữa ông Tr và ông H. Quyết định số 269 đã đánh giá những tài liệu ông Tr cung cấp về việc chuyển nhượng đất và tài sản trên đất có những điểm mâu thuẫn nhau, không căn cứ vào đó để giải quyết khiếu nại.

Vì vậy, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần 2 số 269 để huỷ quyết định giải quyết khiếu nại lần 1 của Chủ tịch UBND

huyện Q và yêu cầu thu hồi quyết định 1276, sửa kết luận 811 là có căn cứ pháp luật.

Từ những nhận định trên cho thấy việc ông Phan Xuân H khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Q là không có căn cứ nên không được chấp nhận.

[4]. Về án phí sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên Ông Phan Xuân H phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 30, khoản 3 Điều 32 và điểm a khoản 2 Điều 116; điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, Điều 27, Điều 29, Điều 36 và Điều 38, Điều 40 Luật khiếu nại; Điều 100 Luật đất đai và Điều 18 Nghị định 43/2014/ NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện một số điều của Luật đất đai 2103; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Ngày 21/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Xử bác đơn khởi kiện của ông Phan Xuân H về yêu cầu hủy Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 25/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Q.

2. Về án phí: Ông Phan Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001666 ngày 10/8/2020 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

3. Án xử sơ thẩm công khai báo cho các đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Bình;
- Cục THADS tỉnh Quảng Bình;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Từ Thị Hải Dương

